

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/HS-ST**

Ngày: 03/01/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Văn Trung**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Viết Xứng**
Ông Phạm Văn Giới

Thư ký phiên tòa: **Bà Đào Thị Quỳnh Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: **Ông Ngô Thanh Hải**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 112/2023/QĐXXST-HS ngày 18/12/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2022; tại Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 (đã chết); con bà Thái Thị Tr, sinh năm 1980; Nơi thường trú: xóm Nguyễn Tạo, xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: ấp 3, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng T- Tr, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980
Địa chỉ: KP Xuân Bình, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
3. Nguyễn Thị Q - Nh, sinh năm 1997
Địa chỉ: KP Tân Xuân, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
4. Nguyễn Thị C1, sinh năm 1979
Địa chỉ: KP Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
5. Ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp Minh Hòa, xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

6. Bà Trần Thị T- Tr, sinh năm 1983

Địa chỉ: KP Tân Đồng 1, P. Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

7. Ông Phạm Minh A, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Phú Cường, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

8. Ông Phan Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: KP Phú Cường, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

9. Ông Lê Tuấn Th, sinh năm 1971

Địa chỉ: thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

10. Bà Phương Nhật U, sinh năm 1992

Địa chỉ: KP 5, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

11. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1979

Địa chỉ: KP Phú Thanh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

12. Ông Đoàn Văn V, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp Thuận Phú 2, xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

13. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: KP Tân Trà 1, P. Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

14. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1986

Địa chỉ: khu phố Tân An, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Duy Đ bị Viện kiểm sát nhân dân (Viện KSND) huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng đầu tháng 6 năm 2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nhận được phản ánh của quần chúng nhân dân trên địa bàn huyện Đồng Phú có một số người hoạt động cho vay tiền với lãi suất cao. Ngày 17/6/2023, Cơ quan điều tra mời Nguyễn Duy Đ làm việc. Đ khai nhận do không có việc làm, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên tháng 3/2023, Lê Đình L (không rõ nhân thân) rủ Đ làm nghề cho vay tiền góp thì Đ đồng ý. Đ được L cung cấp vốn, giao phương tiện liên lạc, đi lại là điện thoại nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím lắp sim số 0961.361.572 và xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 71B2-688.19. Đ được hưởng tiền phí cho vay, phí đáo hạn và được trả công 4.000.000 đồng/tháng, bao ăn ở. Đ có nhiệm vụ tìm người vay, trực tiếp cho vay bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, hằng ngày thu tiền góp, đáo hạn, tính toán tiền, cuối ngày tổng hợp lại, báo cáo cho L. Đ đã in tờ rơi ghi số điện thoại 0961.361.572 và dán ở nhiều nơi tại huyện Phú Riềng, huyện Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để người có nhu cầu vay tiền liên hệ, ngoài ra còn có một số người đã vay L từ trước. Khi có người hỏi vay, Đ đến gặp mặt để đánh giá, thỏa thuận cho vay. Khoản vay thường là vay 3 triệu góp 150.000 đồng/ngày trong 24 ngày, vay 5 triệu góp 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, vay 10 triệu đồng góp 500.000 đồng/ngày trong 24 ngày, tiền phí hồ sơ bằng tiền góp 01 ngày, lãi suất là 304,17%/năm gấp 15,2 lần mức cao nhất của Bộ luật Dân sự quy định (20%/năm). Việc cho vay không lập giấy tờ, không cầm giữ tài sản, một số người vay thì Đ giữ giấy tờ gốc như CCCD, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy... Ngoài tiền gốc do L cung cấp, Đ còn sử dụng tiền gốc, tiền lãi thu được để

tiếp tục cho người khác vay. Việc cho vay, góp tiền hằng ngày có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua số tài khoản 6782229999999, Ngân hàng TMCP Quân đội (ngân hàng MB) của Đ. Từ tháng 3/2023 đến ngày 17/6/2023, Đ đã cho 14 (mười bốn) người ở huyện Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vay tiền cụ thể như sau:

01. Vào ngày 21/3/2023, Đặng Tuyết T - Tr vay 5.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 250.000 đồng /ngày, trả góp trong 24 ngày, phí hồ sơ 100.000 đồng. Đến ngày 05/4/2023, T - Tr đáo hạn và vay thêm 5.000.000 đồng thành gói vay 10.000.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày, mỗi ngày trả góp 500.000 đồng, phí hồ sơ 500.000 đồng. Đối với gói vay này chị T - Tr đáo hạn 04 lần, lần thứ 04 đã góp được 08 ngày 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Trong thời gian vay gói trên, vào ngày 27/4/2023, T - Tr vay thêm 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 500.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 300.000 đồng. Đối với gói vay này, T - Tr đáo hạn 02 lần, lần thứ 02 chị T - Tr góp được 12 ngày 6.000.000 đồng, phí hồ sơ 300.000 đồng. Đến ngày 12/6/2023, T - Tr đáo hạn và gộp 02 gói vay 10.000.000 đồng thành gói vay 20.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 1.000.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 600.000 đồng. Hiện, chị T - Tr góp được 06 ngày 6.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 18.000.000 đồng, trong đó có: 16.816.438 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 3.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 20.316.438 đồng.

02. Khoảng tháng 4/2023, Nguyễn Văn H vay số tiền 3.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 150.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 150.000 đồng. Đối với gói vay này, H đã đáo hạn 05 lần, lần thứ 05 H góp được 05 ngày 750.000 đồng, phí hồ sơ 150.000 đồng. Trong thời gian vay gói trên, H tiếp tục vay 3.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 150.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 150.000 đồng. Đối với gói vay này, H đáo hạn 03 lần, lần thứ 03 góp được 05 ngày 750.000 đồng, phí hồ sơ 150.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 5.050.000 đồng, trong đó có: 4.717.945 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 1.500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 6.217.945 đồng.

03. Vào ngày 23/5/2023, Nguyễn Thị Q - Nh vay 5.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 250.000 đồng. Trong thời gian trả góp, Q - Nh đã đáo hạn 01 lần, trả góp 04 ngày 1.000.000 đồng, phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 1.166.667 đồng, trong đó có: 1.089.954 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 1.589.954 đồng.

04. Vào ngày 01/3/2023, Nguyễn Thị C1 vay 5.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày. Trong thời gian trả góp,

C1 đáo hạn 05 lần, lần thứ 05 trả góp 02 ngày 500.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu là 5.083.333 đồng, trong đó có: 4.749.087 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 4.749.087 đồng.

05. Vào ngày 01/6/2023, Nguyễn Chí Th vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày và phí hồ sơ 250.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày. Trong thời gian trả góp, Th đáo hạn 01 lần, trả góp được 03 ngày 750.000 đồng, phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 1.125.000 đồng, trong đó có: 1.051.027 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 500.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 1.551.027 đồng.

06. Vào ngày 31/5/2023, Trần Thị T- Tr vay Đ 2.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 100.000 đồng/ngày và phí hồ sơ là 100.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày. Đến ngày hôm sau, T- Tr vay thêm 2.000.000 đồng với hình thức góp như nêu trên và gộp số tiền vay thành một khoản vay 4.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) là 200.000 đồng/ngày, phí hồ sơ là 200.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày. T- Tr đã góp 18 ngày 3.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu là 600.000 đồng, trong đó có: 560.548 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 200.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 760.548 đồng.

07. Vào ngày 09/4/2023, Phạm Minh A vay 10.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 500.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng, A trả góp đủ 24 ngày là 12.000.000 đồng. Đến ngày 03/5/2023, A tiếp tục vay 20.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 1.000.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 1.000.000 đồng, A trả góp đủ 24 ngày là 24.000.000 đồng. Sau khi trả hết gói vay trên, ngày 09/6/2023 anh A tiếp tục vay 30.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 1.500.000 đồng/ngày, trả góp trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 1.500.000 đồng. A đã góp 10 ngày 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 8.500.000 đồng, trong đó có: 7.941.096 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 10.941.096 đồng.

08. Vào ngày 10/4/2023, Phan Văn T vay Đ 5.000.000 đồng trả góp (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày và không thu phí hồ sơ, trả góp trong thời gian 24 ngày. Trong thời gian trả góp, T đáo hạn 05 lần, lần thứ 05 góp được 03 ngày là 750.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 5.125.000 đồng, trong đó có: 4.788.014 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 4.788.014 đồng.

09. Vào ngày 28/3/2023, Lê Tuấn Th vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) là 250.000 đồng/ngày và phí hồ sơ là 250.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày. Th trả góp đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng. Đến ngày 04/5/2023, Th vay Đ 5.000.000 đồng, trả

góp (cả gốc và lãi) là 250.000 đồng/ngày và phí hồ sơ là 250.000 đồng, trả góp trong thời gian 24 ngày. Anh Th trả góp đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng. Trong thời gian trả góp, anh Th đáo hạn 01 lần, góp được 21 ngày là 5.250.000 đồng, phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 2.875.000 đồng, trong đó có: 2.685.959 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 750.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 3.435.959 đồng.

10. Vào ngày 21/4/2023, Phương Nhật U vay Đ 3.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 150.000 đồng/ngày, trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 100.000 đồng. Trong thời gian trả góp, U đáo hạn và vay thêm 1.000.000 đồng, tổng số tiền vay 4.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) là 200.000 đồng/ngày, trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 100.000 đồng. Sau đó, U đáo hạn 01 lần, góp được 14 ngày là 2.800.000 đồng, phí hồ sơ 100.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 1.866.667 đồng, trong đó có: 1.743.927 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 300.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 2.043.927 đồng.

11. Vào ngày 08/5/2023, Trần Thị Kim L vay 10.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 500.000 đồng/ngày, trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng, L góp đủ 24 ngày là 12.000.000 đồng. Đến ngày 05/6/2023, L vay Đ 10.000.000 đồng, trả góp theo ngày (cả gốc và lãi) 500.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng. L trả góp được 20 ngày là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 3.666.667 đồng, trong đó có: 3.425.571 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 4.425.571 đồng.

12. Vào ngày 08/4/2023, Đoàn Văn V vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ là 250.000 đồng, V đã trả góp đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng. Sau khi trả góp xong, ngày 11/5/2023 V vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) là 250.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày, phí hồ sơ là 250.000 đồng. Trong thời gian trả góp, anh V đáo hạn 02 lần, lần thứ 02 góp 06 ngày 1.500.000 đồng, phí hồ sơ 250.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 3.250.000 đồng, trong đó có: 3.036.301 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác Đ đã thu trong quá trình cho vay là 1.000.000 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 4.036.301 đồng.

13. Vào ngày 13/5/2023, Phạm Thị Th vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày, chị Th đã trả góp đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng. Th tiếp tục vay 10.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 500.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày. Đối với gói vay này Th đã trả góp 04 ngày là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 1.333.333 đồng, trong đó có: 1.245.662 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 1.245.662 đồng.

14. Vào ngày 06/5/2023, Nguyễn Thị Mỹ L vay 5.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 250.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày và phí hồ sơ là 250.000 đồng, đã góp đủ 24 ngày là 6.000.000 đồng. Đến ngày 29/5/2023, L tiếp tục vay Đ 10.000.000 đồng, trả góp (cả gốc và lãi) 500.000 đồng/ngày trong thời gian 24 ngày và phí hồ sơ là 500.000 đồng. Đối với gói vay này L đã trả góp 21 ngày là 10.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu qua các lần cho vay là 2.750.000 đồng, trong đó có: 2.569.178 đồng là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà Đ thu được là: 3.319.178 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Duy Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 31/10/2023, Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Duy Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi Bộ luật hình sự);

Tại phiên tòa, đại diện Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy Đ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự đề xuất tuyên phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Các vấn đề về xử lý vật chứng, tịch thu tang vật, tiền thu lợi bất chính... đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước trình bày lời luận tội đối với bị cáo và kết luận đối với vụ án, bị cáo Nguyễn Duy Đ không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Duy Đ khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 30/10/2023 của Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình

Phước đã truy tố, cụ thể: Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023, Nguyễn Duy Đ đã cho 14 người trên địa bàn huyện Đồng Phú, thành phố Đồng Xoài, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vay 375.000.000 đồng với lãi suất 304%/năm; gấp 15,2 lần lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định. Thu lợi bất chính 69.420.708 đồng.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Duy Đ tại phiên tòa là phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy Đan đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện hoàn trả một phần số tiền thu lợi bất chính cho một số người vay. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên cần áp dụng mức hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội.

[5] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Quan điểm của đại diện Viện KSND huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước trình bày về hình phạt, hình phạt bổ sung tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hình phạt chính được áp dụng là hình phạt tiền.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với hình thức vay tiền trả góp và vay tiền lãi đứng thì việc người vay tiền hoàn trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi; hoàn trả một phần tiền gốc (tiền gốc và tiền lãi) hay mới

hoàn trả tiền góp theo ngày; căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm và tiền phí (nếu có) là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc (trong vay tín chấp) và nợ gốc còn lại (vay góp) của người vay thì buộc người vay nộp lại để sung vào công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

[8].1 Truy thu để nộp ngân sách nhà nước số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Duy Đ sử dụng để cho vay; tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật Dân sự là 3.971.000 đồng và tiền phí hồ sơ là 13.000.000 đồng.

[8].2 Truy thu nộp ngân sách nhà nước tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật dân sự mà bị cáo Nguyễn Duy Đ đã thu của 14 người vay là 3.971.000 đồng Nguyễn Duy Đ thu phí trái pháp luật của 14 người vay;

[8].3 Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc là 74.797.000 đồng của 14 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Nguyễn Duy Đ, gồm: Bà TĐặng Tuyết Trinh số tiền 15.002.000 đồng; ông Nguyễn Văn H số tiền 4.750.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q - Nh số tiền 4.168.000 đồng; bà Nguyễn Thị C1 số tiền 4.584.000 đồng; ông Nguyễn Chí Th số tiền 4.376.000 đồng; bà Trần Thị T- Tr số tiền 994.000 đồng; ông Phạm Minh A số tiền 17.500.000 đồng; ông Phan Văn T số tiền 4.376.000 đồng; ông Lê Tuấn Th số tiền 632.000 đồng; bà Phương Nhật U số tiền 1662.000 đồng; bà Trần Thị Kim L số tiền 3.426.000 đồng; ông Đoàn Văn V số tiền 3.752.000 đồng; bà Phạm Thị Th số tiền 8.332.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 1.243.000 đồng.

[8].4 Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải trả lại cho 14 người vay tiền lãi vượt quá 20%/năm là 56.421.000, gồm: Bà Đặng T- Tr số tiền 16.816.000 đồng; ông Nguyễn Văn H số tiền 4.718.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q - Nh số tiền 1.09.000 đồng; bà Nguyễn Thị C1 số tiền 4.749.000 đồng; ông Nguyễn Chí Th số tiền 1.051.000 đồng; bà Trần Thị T- Tr số tiền 561.000 đồng; ông Phạm Minh A số tiền 7.941.000 đồng; ông Phạm Văn Tiến số tiền 4.788.000 đồng; ông Lê Tuấn Th số tiền 2.686.000 đồng; bà Phương Nhật U số tiền 1.744.000 đồng; bà Trần Thị Kim L số tiền 3.426.000 đồng; ông Đoàn Văn V số tiền 3.036.000 đồng; bà Phạm Thị Th số tiền 1.245.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 2.569.000 đồng.

[9] Xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, mặt kính phía sau dán decal màu cam; số Imei: 353034119807248; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, màu xanh là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc, phục vụ việc cho vay và đòi nợ, dùng vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng thu giữ của bị cáo là tiền có được từ hoạt động cho vay nên cần tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 xe mô tô biển số 71B2-688.19, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng; số khung: 1258FY004705, số máy: HC12E7004785 là phương tiện bị cáo dùng để đi lại hàng ngày, đi thu tiền góp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 052783 tên Mai Thành Phước, biển số 71B2-688.19; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002186 tên Nguyễn Viết Chiêu chuyển Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú tiếp tục xác minh xử lý.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng MB Bank, số 4089041006364103 ghi tên “NGUYEN DUY DAN”: Thẻ dùng để giao dịch chuyển, nhận tiền từ người vay; 01 thẻ ATM ngân hàng MB Bank số 4089041009937491 tên “NGUYEN DUY DAN”: Thẻ dùng để giao dịch chuyển, nhận tiền từ người vay nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 thẻ ATM ngân hàng VPBank, số 4541190939772064 tên “NGUYEN DUY DAN”: Bị cáo đăng ký nhưng không sử dụng là tài sản của bị cáo nên cần tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Duy Đ;

Đối với 01 CCCD số 083083000585 tên Nguyễn Chí Th nên cần tuyên trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Chí Th

Đối với 02 tờ giấy ô ly màu trắng, bên trong có chữ ký xác nhận của Nguyễn Duy Đ; 01 sao kê tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội (MB bank) số 67822299999999 tên Nguyễn Duy Đ từ ngày 01/5/2023 đến ngày 19/6/2023 là tài liệu liên quan đến nội dung vụ án nên cần tuyên lưu trữ cùng hồ sơ vụ án.

[10] Đối với Hoàng Đình S là người ở cùng với Đ nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của Đ. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú đã khởi tố Hoàng Đình S trong một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lê Đình L theo lời khai của Đ là người thuê Đ tìm người vay và thu tiền góp; xe mô tô biển số 71B2 – 688.19; Cơ quan điều tra đã ủy thác điều tra đến nay chưa có kết quả trả lời, tách ra xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Lưu Công S và Huy, Bình, Tau, Huệ, Hạnh, Ly, Võ Thị Ánh Tuyết, người làm nghề sửa ô tô. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch; tách ra tiếp tục xác minh xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Duy Đ phải nộp theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1, Điều 52; các Điều 35, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Đ số tiền 80.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đen, mặt kính phía sau dán decal màu cam; số Imei: 353034119807248; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, dạng bàn phím, màu xanh; số tiền 1.200.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM ngân hàng MB Bank, số 4089041006364103 ghi tên “NGUYEN DUY DAN”: Thẻ dùng để giao dịch chuyển, nhận tiền từ người vay; 01 thẻ ATM ngân hàng MB Bank số 4089041009937491 tên “NGUYEN DUY DAN”.

- Chuyển Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Phú tiếp tục xác minh xử lý 01 xe mô tô biển số 71B2-688.19, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu trắng; số khung: 1258FY004705, số máy: HC12E7004785: Phương tiện bị cáo dùng để đi lại hàng ngày, đi thu tiền góp; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 052783 tên Mai Thành Phước, biển số 71B2-688.19; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 002186 tên Nguyễn Viết Chiêu.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Duy Đ 01 thẻ ATM ngân hàng VPBank, số 4541190939772064 tên “NGUYEN DUY DAN”.

- Trả lại cho ông Nguyễn Chí Th 01 CCCD số 083083000585.

2.2. Áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2.2.1. Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ nộp ngân sách Nhà nước số tiền cụ thể: 100.000.000 đồng tiền gốc bị cáo Nguyễn Duy Đ sử dụng để cho vay + tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật dân sự mà bị cáo Nguyễn Duy Đ đã thu của 14 người vay là 3.971.000 đồng + số tiền 13.000.000 đồng Nguyễn Duy Đ thu phí trái pháp luật của 14 người vay = 116.971.000 đồng.

2.2.2. Buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải trả lại cho 14 người vay tiền lãi vượt quá 20%/năm là 56.421.000 đồng, gồm: Bà Đặng T- Tr số tiền 16.816.000 đồng; ông Nguyễn Văn H số tiền 4.718.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q - Nh số tiền 1.09.000 đồng; bà Nguyễn Thị C1 số tiền 4.749.000 đồng; ông Nguyễn Chí Th số tiền 1.051.000 đồng; bà Trần Thị T- Tr số tiền 561.000 đồng; ông Phạm Minh A số tiền 7.941.000 đồng; ông Phạm Văn Tiến số tiền 4.788.000 đồng; ông Lê Tuấn Th số tiền 2.686.000 đồng; bà Phương Nhật U số tiền 1.744.000 đồng; bà Trần Thị Kim L số tiền 3.426.000 đồng; ông Đoàn Văn V số tiền 3.036.000 đồng; bà Phạm Thị Th số tiền 1.245.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 2.569.000 đồng.

2.2.3 Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc là tiền gốc là 74.797.000 đồng của 14 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo Nguyễn Duy Đ, gồm: Bà TĐặng

Tuyết Trinh số tiền 15.002.000 đồng; ông Nguyễn Văn H số tiền 4.750.000 đồng; bà Nguyễn Thị Q - Nh số tiền 4.168.000 đồng; bà Nguyễn Thị C1 số tiền 4.584.000 đồng; ông Nguyễn Chí Th số tiền 4.376.000 đồng; bà Trần Thị T- Tr số tiền 994.000 đồng; ông Phạm Minh A số tiền 17.500.000 đồng; ông Phan Văn T số tiền 4.376.000 đồng; ông Lê Tuấn Th số tiền 632.000 đồng; bà Phương Nhật U số tiền 1662.000 đồng; bà Trần Thị Kim L số tiền 3.426.000 đồng; ông Đoàn Văn V số tiền 3.752.000 đồng; bà Phạm Thị Th số tiền 8.332.000 đồng; bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 1.243.000 đồng.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Duy Đ phải nộp 200.000 đồng.

4. Bị cáo Nguyễn Duy Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01)
- VKSND huyện Đồng Phú (01);
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú (01);
- PV06 - CA tỉnh Bình Phước (01);
- Công an huyện Đồng Phú (03);
- Trung tâm lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh

Bình Phước (01);

- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);
- Lưu (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Trung